

Vietnam Daily Review

VN-Index trượt ngã cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/3/2022		•	
Tuần 21/3-25/3/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường đang chứng lại trước khu vực tâm lý cứng 1505, VN-Index kết phiên giảm 1 điểm hơn so với hôm qua dù trong phiên đã cố gắng bật lên vùng 1515. Sự giảm điểm của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (22/30 mã thuộc nhóm VN30 chìm trong sắc đỏ) khiến thị trường không thể giữ được sắc xanh. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 8/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tiếp theo, thị trường có thể sẽ tiếp tục đi ngang quanh vùng 1505 để tích lũy, lấy đà bật lên vùng kháng cự 1520; nếu không, thị trường có thể quay về tích lũy quanh ngưỡng 1485 một vài phiên do hiện tại chỉ số đã đi khá xa so với các đường MA ngắn hạn và có thể quay trở lại test những đường này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp điều chỉnh của chỉ số VN30, trừ HĐ VN30F2206. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 23/03/2022, phần lớn các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 2): DBC_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

- VN-Index **-1.44** điểm, đóng cửa **1502.34** điểm. HNX-Index **+0.75** điểm, đóng cửa **462.1** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+0.77)**, **DGC (+0.63)**, **SAB (+0.58)**, **DIG (+0.48)**, **DPM (+0.31)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.28)**, **VHM (-0.88)**, **VIC (-0.76)**, **MSN (-0.44)**, **VNM (-0.42)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24.378** tỷ đồng, giảm **-8.74%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 28.038 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 12.23 điểm. Thị trường có **192** mã tăng, 50 mã tham chiếu và **260** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1013.95** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DGC (309.76 tỷ)**, **MSN (151.88 tỷ)**, **GEX (112.87 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **3.44** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1502.34**
Giá trị: 24378.23 tỷ **-1.44 (-0.1%)**
Khối ngoại (ròng): 1013.95 tỷ

HNX-INDEX **462.10**
Giá trị: 3756.71 tỷ **0.75 (0.16%)**
Khối ngoại (ròng): 3.44 tỷ

UPCOM-INDEX **116.58**
Giá trị: 1379.15 tỷ **-0.22 (-0.19%)**
Khối ngoại(ròng): 10.01 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	110.3	0.91%
Giá vàng	1,927	0.28%
Tỷ giá USD/VND	22,878	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,200	-0.08%
Tỷ giá JPY/VND	18,922	-0.06%
LS liên NH 1 tháng	2.2%	5.46%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-0.72%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	309.8	VNM	-89.1
MSN	151.9	DCM	-70.9
GEX	112.9	VCI	-58.9
FUEFVND	103.4	NVL	-54.3
STB	86.6	VND	-35.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

DBC_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích cực
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD đang có xu hướng cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: xu hướng tăng

Nhận định: DBC có một phiên tăng điểm tốt khi hình thành mẫu hình nền Marubozu hoàn hảo cùng khối lượng tăng đột biến. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI cho thấy xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên đường MA20, MA50 và MA100. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 77.0, chốt lãi tại ngưỡng 85.8 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 73.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

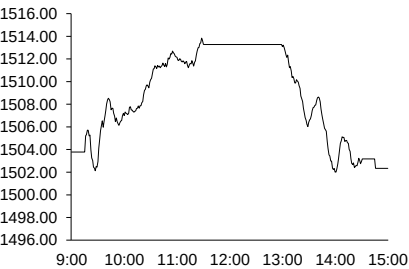
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	2.77%
Bảo hiểm	1.85%
Bán lẻ	1.06%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.86%
Y tế	0.45%
Công nghệ Thông tin	0.27%
Thực phẩm và đồ uống	0.08%
Ô tô và phụ tùng	0.04%
Du lịch và Giải trí	0.00%
Viễn thông	0.00%
Ngân hàng	-0.24%
Dịch vụ tài chính	-0.25%
Tài nguyên Cơ bản	-0.30%
Xây dựng và Vật liệu	-0.36%
Bất động sản	-0.39%
Truyền thông	-0.45%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.45%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.99%
Dầu khí	-1.59%

Hình 1

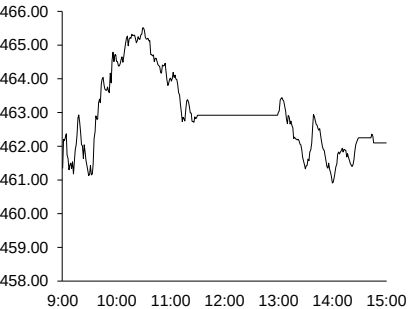
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
22/3/22	CII	34.15	43.5	30.55	33.7	1	-1.32%	Có thể giữ nguyên vị thế
21/3/22	KDH	53.3	61.3	51.5	53	2	-0.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/3/22	LIG	16	22	14	15.7	5	-1.88%	Có thể tiếp tục mua
17/3/22	HQC	8.19	10.19	7.5	9.7	6	18.44%	Cần nhắc không mua thêm (**)
16/3/22	VTP	70	76	66	72.7	7	3.86%	Có thể tiếp tục mua
15/3/22	HBC	28.2	33	26	28.65	8	1.60%	Có thể tiếp tục mua
14/3/22	FCN	24.5	28.5	22.5	27	9	10.20%	Có thể tiếp tục mua
10/3/2022	ITD	16.9	20	15	17.3	13	2.37%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	44.5	20	0.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/2/22	HSG	38.35	46.9	35.2	37.95	23	-1.04%	Có thể giữ nguyên vị thế
24/2/22	PVB	23.5	28	21.5	23.3	27	-0.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
23/2/22	PVT	24.8	31.8	23	25.7	28	3.63%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	21.1	33	6.57%	Có thể tiếp tục mua
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	46.8	43	2.74%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

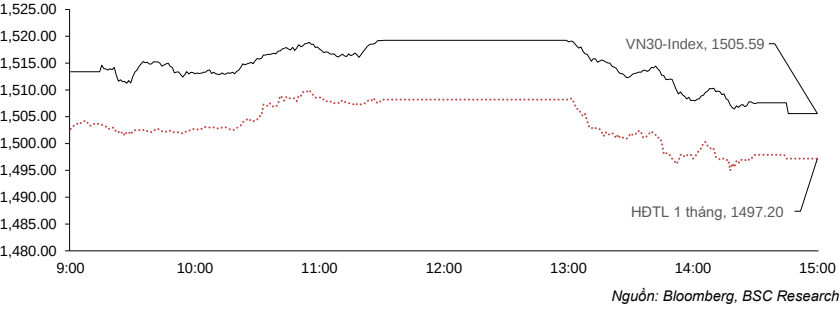
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/3/2022	HAX	35.95	41.4	33.5	SL	5	-6.82%
5/3/2022	ITC	19.1	22.7	17.5	SL	9	-8.38%
4/3/2022	DPG	69.3	82	63.9	TP	7	18.33%
1/3/2022	GVR	35.7	40.5	34	SL	13	-4.76%
25/2/22	VGX	27	33	25	SL	17	-7.41%
22/2/22	CTD	96.1	110	93	SL	8	-3.23%
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	SL	9	-6.23%
17/2/22	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	44	SL	32	-7.76%
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	5	5.51%	-1.13%	3.14%	17
Cổ phiếu đã chốt	238	186	7.74%	-7.25%	4.97%	24

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2204	1497.20	-0.19%	-8.39	15.3%	134,488	4/21/2022	31
VN30F2205	1493.60	-0.27%	-11.99	45.2%	180	5/19/2022	59
VN30F2206	1494.00	0.05%	-11.59	17.2%	75	6/16/2022	87
VN30F2209	1489.90	-0.35%	-15.69	-58.1%	13	9/15/2022	178

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 giảm -7.81 điểm xuống 1505.59 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, MSN, TCB, VNM đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Phiên giao dịch hôm nay tiếp tục nằm trong vùng tích lũy 1500-1530 điểm.

• Các HDTL đều giảm điểm theo nhịp điều chỉnh của chỉ số VN30, trừ HĐ VN30F2206. Xét về KLGD, các HĐ tăng nhẹ trừ VN30F2209. Xét về vị thế mở, các HĐ tăng nhẹ trừ VN30F2204. Điểm số điều chỉnh trong khi số lượng hợp đồng mở mới biến động theo chiều giảm cho thấy dòng tiền đang có xu hướng thoát khỏi thị trường. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVJC2103	4/27/2022	35	20:1	129,200	25.94%	1,500	850	2.41%	619	1.37	131,799	129,999	141,000
CFPT2202	6/24/2022	93	10:1	300,500	21.96%	1,700	1,710	1.18%	918	1.86	97,200	89,700	96,500
CMBB2201	9/20/2022	181	2:1	133,700	30.26%	2,700	3,450	0.29%	2,285	1.51	38,660	29,500	32,150
CSTB2202	9/20/2022	181	2:1	159,000	37.23%	2,700	4,010	0.25%	3,238	1.24	33,500	29,500	34,000
CMWG2114	4/20/2022	28	12:1	464,800	30.12%	2,600	1,150	0.00%	639	1.80	224,800	130,000	135,000
CTCB2105	5/4/2022	42	5:1	140,400	29.55%	3,600	1,460	-0.68%	1,044	1.40	58,600	45,000	49,600
CHPG2204	6/24/2022	93	5:1	228,500	33.09%	1,900	1,810	-1.09%	929	1.95	54,500	44,500	46,800
CMSN2104	5/4/2022	42	9.98:1	624,900	38.35%	5,200	3,100	-1.27%	3,013	1.03	147,790	0	147,000
CVRE2110	4/27/2022	35	8:1	77,200	37.60%	1,000	640	-1.54%	426	1.50	44,879	29,999	32,850
CSTB2201	9/21/2022	182	5:1	551,000	37.23%	1,500	1,750	-2.23%	1,249	1.40	35,088	29,888	34,000
CVPB2111	4/20/2022	28	4:1	63,400	31.65%	2,300	1,610	-2.42%	771	2.09	39,800	34,000	36,650
CPNJ2201	9/20/2022	181	8:1	348,000	32.85%	2,300	2,680	-2.90%	2,021	1.33	97,900	95,500	105,100
CVRE2105	5/4/2022	42	5:1	213,500	37.60%	1,200	950	-3.06%	707	1.34	38,750	30,000	32,850
CKDH2107	4/27/2022	35	8:1	146,100	35.26%	1,300	1,260	-3.08%	1,174	1.07	44,928	43,888	53,000
CSTB2110	4/27/2022	35	8:1	328,300	37.23%	1,000	630	-3.08%	547	1.15	33,919	29,999	34,000
CTPB2101	4/6/2022	14	3.7:1	13,300	40.99%	2,500	2,070	-3.27%	1,835	1.13	45,136	33,333	40,050
CFPT2203	8/1/2022	131	4:1	181,200	21.96%	3,800	4,550	-3.40%	1,665	2.73	100,720	95,000	96,500
CMWG2111	4/8/2022	16	10:1	357,800	30.12%	1,900	890	-4.30%	661	1.35	205,600	130,000	135,000
CMBB2107	4/8/2022	16	2:1	347,000	30.26%	2,200	1,510	-6.79%	1,170	1.29	31,780	30,000	32,150
CMSN2110	4/8/2022	16	9.98:1	408,600	38.35%	2,200	950	-11.21%	788	1.21	157,488	142,000	147,000

Tổng

5,087,200

32.96%**

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 23/03/2022, phần lớn các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

• CACB2102 và CFPT2201 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 348.17% và 15.00%. Giá trị giao dịch giảm -24.43%. CVRE2109 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.42% thị trường.

• CVNM2112, CVNM2111, CVNM2113, và CVIC2110 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVPB2202, CSTB2202, CVHM2204, và CMBB2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2112, CMSN2104, và CSTB2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	135.0	-0.1%	0.6	4,184	4.7	6,936	19.5	4.7	49.0%	27.3%	
PNJ	Bán lẻ	105.1	-1.8%	0.7	1,039	2.4	4,526	23.2	4.0	48.8%	18.3%	
BVH	Bảo hiểm	59.0	0.9%	1.3	1,904	3.3	2,501	23.6	2.1	26.4%	9.0%	
PVI	Bảo hiểm	52.4	3.6%	0.5	534	1.2	3,543	14.8	1.6	57.9%	10.9%	
VIC	Bất động sản	81.4	-1.0%	0.6	13,498	5.4	(759)	N/A	N/A	3.1	12.7%	-3.1%
VRE	Bất động sản	32.9	-1.1%	1.1	3,245	5.4	578	56.8	2.4	30.2%	4.4%	
VHM	Bất động sản	77.2	-1.0%	1.1	14,616	12.2	9,048	8.5	2.6	23.8%	36.4%	
DXG	Bất động sản	45.3	0.2%	1.3	1,183	23.0	1,942		3.1	30.3%	15.5%	
SSI	Chứng khoán	44.2	-0.3%	1.6	1,908	12.2	2,768	16.0	3.1	37.9%	22.5%	
VCI	Chứng khoán	59.1	-1.2%	1.0	856	5.3	4,512	13.1	3.0	20.2%	27.1%	
HCM	Chứng khoán	36.2	0.7%	1.6	719	4.6	2,805	12.9	2.3	43.2%	19.5%	
FPT	Công nghệ	96.5	0.1%	0.9	3,808	8.3	4,792	20.1	4.9	49.0%	25.8%	
FOX	Công nghệ	76.0	2.2%	0.4	1,085	0.1	4,926	15.4	4.2	0.0%	30.2%	
GAS	Dầu khí	112.3	-2.3%	1.2	9,345	3.1	4,381	25.6	4.2	2.8%	17.4%	
PLX	Dầu khí	56.0	-1.4%	1.5	3,094	3.7	2,337	24.0	2.8	17.0%	12.3%	
PVS	Dầu khí	35.2	-1.9%	1.7	731	11.5	1,260	27.9	1.4	8.7%	5.0%	
BSR	Dầu khí	26.8	-0.7%	0.8	3,613	7.9	(909)		2.7	41.1%	-8.7%	
DHG	Dược	110.4	2.7%	0.3	628	0.1	5,720	19.3	3.8	54.2%	20.3%	
DPM	Hóa chất	69.0	4.5%	0.9	1,174	22.4	7,914	8.7	2.6	10.5%	33.5%	
DCM	Hóa chất	44.9	1.0%	0.7	1,033	19.0	3,313	13.6	3.1	7.0%	25.3%	
VCB	Ngân hàng	84.9	0.0%	1.0	17,469	3.6	5,005	17.0	3.6	23.6%	21.4%	
BID	Ngân hàng	43.4	-0.2%	1.2	9,545	3.8	2,090	20.8	2.6	16.8%	13.2%	
CTG	Ngân hàng	32.9	-0.5%	1.5	6,864	5.8	2,940	11.2	1.7	25.7%	15.9%	
VPB	Ngân hàng	36.7	-0.5%	1.2	7,084	14.9	2,648	13.8	2.1	17.5%	17.9%	
MBB	Ngân hàng	32.2	-0.9%	1.2	5,281	12.8	3,362	9.6	2.0	23.2%	23.6%	
ACB	Ngân hàng	33.2	-0.3%	1.1	3,900	3.0	3,554	9.3	2.0	30.0%	23.9%	
BMP	Nhựa	59.6	0.8%	0.6	212	0.1	2,618	22.8	2.1	85.0%	9.0%	
NTP	Nhựa	59.0	0.3%	0.4	302	0.2	3,951	14.9	2.6	17.9%	17.6%	
MSR	Tài nguyên	31.4	2.3%	1.1	1,501	1.7	39	805.1	2.5	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	46.8	-0.2%	1.1	9,101	35.4	7,708	6.1	2.3	22.3%	46.1%	
HSG	Thép	38.0	-2.2%	1.4	814	22.5	8,581	4.4	1.7	7.2%	45.9%	
VNM	Tiêu dùng	76.1	-1.0%	0.6	6,915	10.7	4,518	16.8	4.8	54.3%	29.3%	
SAB	Tiêu dùng	157.5	2.3%	0.8	4,391	1.0	5,663	27.8	4.8	62.6%	17.9%	
MSN	Tiêu dùng	147.0	-1.0%	1.0	7,545	9.1	7,257	20.3	5.3	28.4%	35.1%	
SBT	Tiêu dùng	23.2	-0.9%	1.3	635	3.1	1,135	20.4	1.8	7.6%	8.7%	
ACV	Vận tải	89.6	0.1%	0.8	8,481	0.3	577	155.3	5.2	3.7%	3.4%	
VJC	Vận tải	141.0	0.1%	1.1	3,320	4.4	2,271		4.5	17.0%	7.7%	
HVN	Vận tải	25.2	-0.4%	1.7	2,426	2.3	(6,523)		23.3	6.1%	-267.4%	
GMD	Vận tải	53.6	-1.8%	1.0	702	5.3	1,846	29.0	2.6	42.9%	9.1%	
PVT	Vận tải	25.7	-2.5%	1.2	362	4.9	2,066	12.4	1.6	10.2%	13.3%	
VCS	Vật liệu xây dựng	106.7	-0.2%	0.7	742	0.7	10,538	10.1	3.5	3.7%	40.6%	
VGC	Vật liệu xây dựng	54.2	4.2%	0.3	1,057	3.6	2,729	19.9	3.4	3.9%	18.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	24.0	-0.8%	0.9	398	2.9	966	24.8	1.8	1.8%	7.0%	
CTD	Xây dựng	91.0	4.0%	1.0	292	8.6	310	293.1	0.8	45.6%	0.3%	
CII	Xây dựng	33.7	-1.3%	0.9	355	14.9	(1,398)	N/A	N/A	1.7	10.4%	-6.9%
REE	Điện	74.5	0.5%	-1.4	1,001	2.7	6,002	12.4	1.7	49.0%	15.0%	
PC1	Điện	44.7	3.7%	-0.4	457	7.5	2,997	14.9	2.2	5.1%	15.9%	
POW	Điện	16.9	2.4%	0.6	1,721	15.2	759	22.3	1.3	2.1%	6.1%	
NT2	Điện	23.2	2.0%	0.6	290	0.9	1,778	13.0	1.6	13.6%	12.0%	
KBC	Khu công nghiệp	54.5	-0.2%	1.2	1,364	13.2	1,590	34.3	2.2	18.3%	6.7%	
BCM	Khu công nghiệp	75.7	0%	1.0	3,407	0.5			5.0	2.6%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	35.40	2.16	0.77	1.85MLN
DGC	227.10	6.42	0.60	3.17MLN
SAB	157.50	2.27	0.58	145400
DIG	106.20	3.61	0.47	4.62MLN
DPM	69.00	4.55	0.30	7.55MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-1.33	620500	1.11MLN
VHM	0.00	-0.89	3.62MLN	607060
VIC	0.00	-0.78	1.53MLN	373600
MSN	0.00	-0.45	1.40MLN	192700
VNM	0.00	-0.43	3.23MLN	611640

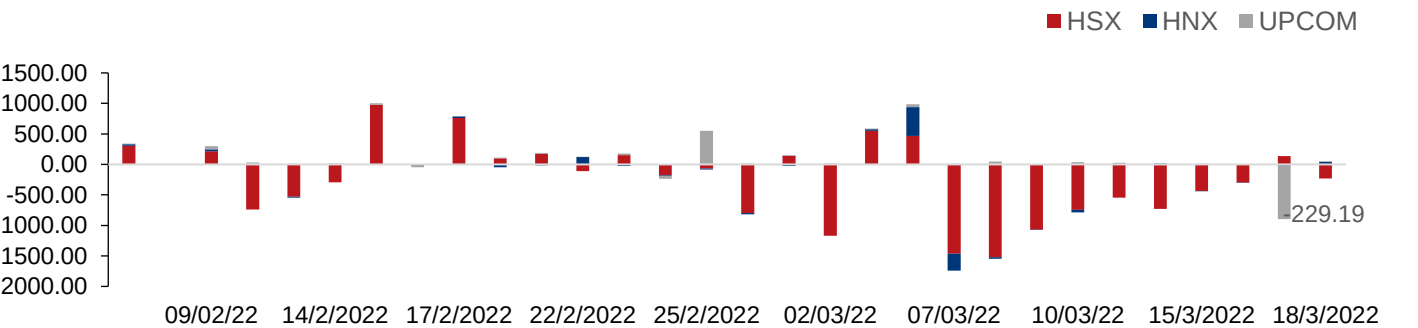
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
QCG	15.30	6.99	0.07	831100.00
DGW	131.70	6.99	0.20	1.35MLN
CLC	40.65	6.97	0.02	122300
DPR	84.40	6.97	0.06	1.50MLN
MDG	17.65	6.97	0.00	23800

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DQC	51.70	-6.85	-0.03	164700
OGC	15.40	-5.23	-0.07	4.82MLN
TDP	25.60	-5.01	-0.02	3900.00
ACC	21.40	-4.89	-0.03	860700
RIC	20.70	-4.61	-0.01	33500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	41.5	1,006	41.3	2.3	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	42.5	1,968	21.6	2.0	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	26.8	-909	#N/A N/A	2.7	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	72.9	362	201.4	6.3	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	91.0	310	293.1	0.8	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	77.0	7,200	10.7	1.9	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	44.9	3,313	13.6	3.1	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	227.1	13,122	17.3	6.4	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	82.0	5,715	14.3	3.8	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.7	2,448	13.4	2.2	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	45.3	1,942	23.3	3.1	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	25.0	948	26.4	1.5	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	16.8	1,454	11.6	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	96.5	4,792	20.1	4.9	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	112.3	4,381	25.6	4.2	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	112.3	4,381	25.6	4.2	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	37.9	3,134	12.1	2.7	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.8	7,708	6.1	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	38.0	8,581	4.4	1.7	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	44.9	157	286.5	4.1	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.4	1,520	12.7	0.9	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.4	1,520	12.7	0.9	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	17.3	689	25.1	1.3	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	53.0	1,833	28.9	3.3	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	51.2	5,924	8.6	1.7	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	77.9	8,820	8.8	2.7	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	135.0	6,936	19.5	4.7	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	48.8	10,793	4.5	1.9	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	59.5	3,055	19.5	2.6	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.2	1,778	13.0	1.6	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	44.7	2,997	14.9	2.2	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	105.1	4,526	23.2	4.0	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	105.1	4,526	23.2	4.0	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	16.9	759	22.3	1.3	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	52.4	3,543	14.8	1.6	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	35.2	1,260	27.9	1.4	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	36.3	4,085	8.9	3.3	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	42.1	14,346	2.9	1.1	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	74.3	3,013	24.7	5.1	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.5	2,375	10.7	3.6	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	25.2	570	44.2	2.0	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	87.3	6,052	14.4	2.7	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	76.1	4,518	16.8	4.8	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	32.9	578	56.8	2.4	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.5	3499.1	12.7	1.9	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.7	1,646	17.4	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
4	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
7	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
9	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
12	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
13	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
14	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
16	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
19	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
22	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
25	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
29	Banking Sector Outlook		x	Click
30	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
32	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
33	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
34	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
35	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
36	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
37	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
38	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
39	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
40	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
41	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
42	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
43	Fishery Outlook 2021		x	Click
44	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639